

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHU VỰC DỊCH VỤ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Khoa Toán Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: ncvantkt@neu.edu.vn

Tống Thành Trung

Khoa Toán Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: tongthantrung@neu.edu.vn

Bùi Quốc Hoàn

Khoa Toán Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: buiquochoan@neu.edu.vn

Ngày nhận: 27/8/2018

Ngày nhận bản sửa: 02/10/2018

Ngày duyệt đăng: 15/10/2018

Tóm tắt:

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kiểm định đồng tích hợp Johansen, kiểm định nhân quả Granger, mô hình hồi quy tuyến tính và mô hình hiệu chỉnh sai số để đánh giá tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam giai đoạn 1995 - 2015. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tồn tại mối quan hệ cân bằng dài hạn giữa toàn cầu hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự phát triển của khu vực dịch vụ. Kết quả ước lượng cho thấy toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam trong cả ngắn hạn và dài hạn. Bên cạnh đó, sự phát triển của khu vực dịch vụ còn chịu tác động dương và mạnh mẽ của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong dài hạn. Tuy nhiên, ảnh hưởng này không có ý nghĩa trong ngắn hạn. Dựa trên các kết quả phân tích, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực dịch vụ trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Từ khóa: Toàn cầu hóa, khu vực dịch vụ, đầu tư trực tiếp nước ngoài, đồng tích hợp, mô hình hiệu chỉnh sai số.

Impact of Globalization on the Development of Services Sector in Vietnam

Abstract:

This study uses Johansen cointegration test, Granger causality test, linear regression model and error correction modeling technique to analyse the impact of globalization on the development of services sector in Vietnam in the period 1995-2015. The results assert the existence of long-run equilibrium relationship among globalization, foreign direct investment and the development of services sector. The estimation results show that globalization promotes the development of services sector both in long-run and short-run. The study further reveals that foreign direct investment had positive and powerful effect on the development of services sector in long-term but this impact was insignificant in short-term. Based on the findings, some recommendations to the development of services sector in the context of current globalization are proposed.

Keywords: Globalization, services sector, foreign direct investment, cointegration, error correction model.

1. Giới thiệu

Toàn cầu hóa là khái niệm phản ánh những thay đổi trong xã hội và nền kinh tế thế giới, được tạo ra bởi các mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia, các tổ chức, các cá nhân ở góc độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... trên phạm vi toàn cầu. Quá trình toàn cầu hóa gắn liền với sự tăng lên về số lượng cũng như cường độ của các cơ chế, tiến trình và hoạt động nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới cũng như sự hội nhập về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở cấp độ toàn cầu.

Từ cuối thập niên 1980, toàn cầu hóa đã diễn ra với tốc độ và cường độ chưa từng có trong tiền lệ, và đã tạo ra những thay đổi lớn trong nền kinh tế toàn cầu cũng như nền kinh tế của mỗi quốc gia khi tham gia ở các mức độ khác nhau vào quá trình này. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra mạnh mẽ, khu vực chế biến chế tạo ở các nước công nghiệp hóa đã thu hẹp và nhường chỗ cho khu vực dịch vụ. Nền kinh tế thế giới đang dần chuyển đổi sang nền kinh tế dịch vụ.

Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Dịch vụ là khu vực có nội hàm và cơ cấu phân ngành rộng nhất hiện nay và ngày càng có vai trò quan trọng nhất trong nền kinh tế. Khu vực dịch vụ ở Việt Nam bao gồm các ngành: Bán buôn, bán lẻ, Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Vận tải, kho bãi; Dịch vụ lưu trú, ăn uống; Thông tin và truyền thông; Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội bắt buộc; Giáo dục và đào tạo; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; Nghệ thuật, vui chơi và giải trí; Hoạt động dịch vụ khác; Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình. Là một trong ba trụ cột của nền kinh tế, với tỷ trọng đóng góp hơn 40% GDP và trên 34% tổng số việc làm trong nền kinh tế, sự phát triển của khu vực dịch vụ có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển chung của nền kinh tế.

Các tác động của toàn cầu hóa đến khu vực dịch vụ là một chủ đề mới được nghiên cứu trong những năm gần đây, số lượng các nghiên cứu về chủ đề này cho đến nay còn khá hạn chế. Do vậy, nghiên cứu này hy vọng có thể bổ sung cho các nghiên cứu trước bằng cách tập trung vào trả lời câu hỏi: Toàn

cầu hóa có tác động như thế nào đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam? Để trả lời câu hỏi đó, nghiên cứu sử dụng kiểm định Johansen, kiểm định nhân quả Granger, mô hình hiệu chỉnh sai số nhằm xác định tác động trong ngắn hạn và mô hình hồi quy đa biến để phân tích tác động trong dài hạn của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam.

Nội dung của bài viết được tổ chức như sau: phần tiếp theo trình bày tổng quan các nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa đến khu vực dịch vụ ở các quốc gia trên thế giới và ở Việt Nam; phần 3 chỉ định mô hình nghiên cứu và dữ liệu sử dụng; phần 4 là kết quả phân tích tác động của toàn cầu hóa đến khu vực dịch vụ ở Việt Nam giai đoạn 1995 – 2015; phần cuối cùng là kết luận và một số khuyến nghị.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các tác động của toàn cầu hóa là chủ đề đặc biệt thu hút sự quan tâm nghiên cứu ở cả các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển. Hệ thống các nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa khá đa dạng và phong phú. Các nghiên cứu thường tập trung phân tích tác động của toàn cầu hóa đến tăng trưởng kinh tế, nghèo đói và bất bình đẳng, môi trường, phát triển con người, và sự phát triển của một số ngành, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo. Các tài liệu thường đánh giá tác động của toàn cầu hóa chủ yếu thông qua các kênh khác nhau như: đầu tư trực tiếp nước ngoài, độ mở thương mại, xuất khẩu, tỷ giá hối đoái, lao động nước ngoài, công nghệ, tự do hóa tài chính...

Mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực dịch vụ là một chủ đề mới được nghiên cứu trong những năm gần đây. Số lượng nghiên cứu về chủ đề này cho đến nay còn khá hạn chế. Hơn nữa, các tài liệu nghiên cứu báo cáo các kết luận mâu thuẫn nhau về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ. Goldar (2014) cho rằng toàn cầu hóa có tác động tích cực đến ngành dịch vụ. Kết quả nghiên cứu của Goldar cho thấy toàn cầu hóa làm tăng sản lượng và cải thiện chất lượng của khu vực dịch vụ, làm giảm chi phí ở những ngành dịch vụ có chi phí cao. Tuy nhiên, Nyamekye (2016) lại kết luận rằng toàn cầu hóa có tác động tiêu cực đến sự phát triển của ngành dịch vụ. Trong nghiên cứu về ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến sản lượng của khu vực dịch vụ ở Ghana giai đoạn 1961 – 2013, Nyamekye đã chứng tỏ rằng toàn cầu hóa có tác động âm đến sản lượng của khu vực

dịch vụ ở Ghana. Sekar (2006) cho rằng toàn cầu hóa có cả tác động tích cực và tiêu cực đến các hoạt động dịch vụ. Về mặt tích cực, toàn cầu hóa có xu hướng làm giảm giá dịch vụ ở các khu vực có chi phí cao, làm gia tăng sản lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ. Về mặt tiêu cực, toàn cầu hóa làm gia tăng mức độ cạnh tranh, có thể tạo ra sự xáo trộn do các công ty không có khả năng cạnh tranh bị mất thị phần và nhân viên của họ bị sa thải.

Nhìn chung, các tài liệu nghiên cứu đều thống nhất rằng toàn cầu hóa tác động đến sự phát triển của các ngành kinh tế thông qua quá trình mở rộng thị trường, thương mại và giảm bớt sức ép về thuế. Toàn cầu hóa giúp gia tăng các nhân tố sản xuất như vốn và khoa học kỹ thuật được khuyến khích thông qua việc tự do hóa lưu thông vốn, chuyển giao công nghệ, phát triển thông tin liên lạc toàn cầu hiệu quả, giảm các chi phí giao dịch quốc tế và chi phí sản xuất. Từ đó, toàn cầu hóa làm gia tăng các hoạt động trong lĩnh vực vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ... từ đó có tác động đến sự phát triển của các ngành này và cả các ngành dịch vụ liên quan như dịch vụ du lịch, hoạt động kinh doanh bất động sản... Sau đây là một số nghiên cứu điển hình về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của một số ngành trong khu vực dịch vụ:

Njanike (2010) cho rằng toàn cầu hóa đảm bảo cho việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng hiệu quả. Toàn cầu hóa mang đến những công nghệ mới giúp cải thiện các dịch vụ ngân hàng và cơ sở hạ tầng, do đó giúp giảm thiểu các hoạt động gian lận, mang lại các kỹ thuật quản trị rủi ro mới và tăng sự tin tưởng vào hệ thống ngân hàng. Hơn nữa, Benamraoui (2003) còn cho rằng toàn cầu hóa có nhiều lợi thế hơn bất lợi đối với ngành ngân hàng. Việc loại bỏ các rào cản về mặt pháp lý đã cho phép các ngân hàng nhà nước cải thiện chất lượng dịch vụ và sử dụng các công nghệ tiên tiến hơn. Các ngân hàng tư nhân và nước ngoài cũng tham gia vào việc hiện đại hóa ngành ngân hàng bằng cách tung ra các sản phẩm tài chính sáng tạo, thu hút vốn trong và ngoài nước.

Toàn cầu hóa giúp liên kết các hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu dùng của các quốc gia tạo ra một thị trường mang tính toàn cầu. Sự dịch chuyển trên phạm vi toàn cầu đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của ngành dịch vụ vận tải. Từ các tàu container lớn đến các xe tải nhỏ dùng để giao hàng, toàn bộ hệ thống phân phối đã trở nên tích hợp

chặt chẽ, liên kết các hoạt động sản xuất với các thị trường trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa làm tăng nhu cầu đối với chuỗi cung ứng hiệu quả, trong đó tất cả các phương thức vận tải đều phải đáng tin cậy (Jennings, 2006) và tiết kiệm chi phí.

Trong quá trình toàn cầu hóa, tự do hoá vận tải hàng không, tự do hoá thương mại dịch vụ, sự lan truyền của công nghệ thông tin và truyền thông, việc sử dụng rộng rãi internet trong bán hàng và tiếp thị các chuyến đi và các gói du lịch, tất cả đóng góp vào sự phát triển liên tục của ngành du lịch. Sự phát triển của ngành dịch vụ du lịch được quan sát thấy ở sự gia tăng liên tục số lượng khách du lịch đến và đi, sự gia tăng của thị trường, sự nhanh chóng mà các điểm đến khác nhau được đưa vào khai thác phát triển du lịch..., cũng như trong việc tăng doanh thu liên tục của ngành du lịch đi cùng với việc liên tục giảm chi phí các dịch vụ du lịch. Các ngành dịch vụ như thông tin và truyền thông, tài chính, giao thông vận tải đóng vai trò quan trọng trong quá trình toàn cầu hoá du lịch (Mustafa, 2010).

Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến ngành dịch vụ kinh doanh bất động sản đến từ hoạt động nhập cư, du lịch toàn cầu, hoạt động dịch chuyển liên quan đến chăm sóc sức khỏe, y tế... Mặc dù hoạt động kinh doanh bất động sản vẫn chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các nhân tố mang tính địa phương như tri thức địa phương, con người địa phương, nền kinh tế địa phương, thể chế địa phương nhưng trong bối cảnh toàn cầu hóa, hoạt động kinh doanh bất động sản còn chịu tác động của các công ty, những người tiêu dùng, các thể lực kinh tế từ những nơi khác thậm chí có khoảng cách lớn về địa lý (Ashok & Cynthia, 2007).

Trong lĩnh vực giáo dục, sự bùng nổ của tri thức và thông tin trong kỷ nguyên của công nghệ thông tin đã làm thay đổi cơ cấu giáo dục truyền thống. Việc sử dụng máy tính, internet và học tập qua trung gian công nghệ (email, E-chat, các trang web, thư viện số,...) đã giúp phổ biến thông tin và kiến thức đến hàng triệu người trên thế giới. Sự xuất hiện của phương thức học tập thông qua trung gian công nghệ đã cách mạng hóa quá trình dạy và học, giúp quá trình tự học trở nên dễ dàng hơn, chi phí tương đối rẻ hơn. Các nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa đến giáo dục đều cho rằng toàn cầu hóa có tác động mạnh nhất đến sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Hợp tác giữa các nước trong việc cung cấp dịch vụ giáo dục trở nên

phổ biến. Các trường đại học nước ngoài sẵn sàng cung cấp song bằng hoặc dịch vụ giáo dục từ xa cho người học ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, chi phí cho việc tham gia vào các loại hình giáo dục bậc cao đã tăng lên đáng kể (Razak, 2011).

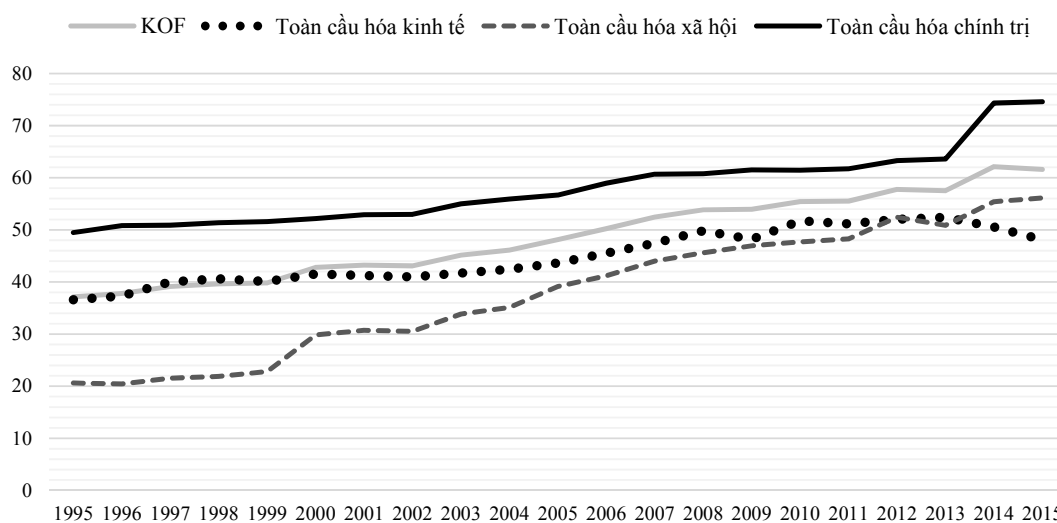
Toàn cầu hoá thương mại giúp các dịch vụ y tế trở thành một mặt hàng được kinh doanh theo những phương thức khác nhau. Thứ nhất, các dịch vụ y tế có thể được cung cấp xuyên quốc gia. Thứ hai, bệnh nhân có thể đi du lịch nước ngoài để được chăm sóc sức khỏe. Thứ ba, bản thân các dịch vụ y tế đã trở thành một ngành thu hút đầu tư nước ngoài. Một số công ty xuyên quốc gia từ các nước phát triển và đang phát triển đã tạo ra các dịch vụ y tế thương mại thông qua việc mua và thành lập các bệnh viện. Thứ tư, các nhân viên y tế có thể di chuyển giữa các quốc gia. Tất cả đã góp phần thúc đẩy thương mại dịch vụ y tế phát triển (Pang & Guindon, 2004).

Ở Việt Nam đã có một số nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của một số ngành dịch vụ như: giáo dục, y tế... Nghiên cứu của Nguyen & cộng sự (2004) về ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến sự chăm sóc y tế và sức khỏe nghề nghiệp ở Việt Nam khẳng định rằng quá trình toàn cầu hóa đã làm tăng các vấn đề nghiêm trọng đối với sức khỏe của công nhân. Ô nhiễm môi trường làm việc tại nơi làm việc ở mức cao, tình trạng các bệnh tật liên quan đến nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp của các công nhân được phát hiện hàng năm tăng dần. Trong nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa đến giáo dục đại học ở Việt Nam, Nguyen & Fraser

(2007) đã kết luận rằng sự hợp nhất của các tổ chức giáo dục đại học, từ bỏ độc quyền của nhà nước trong giáo dục, cung cấp dịch vụ giáo dục ngày càng đa dạng, định hướng lại chương trình phù hợp đáp ứng yêu cầu thị trường và đưa cạnh tranh vào giáo dục nhằm nâng cao hiệu suất và hiệu quả của các dịch vụ giáo dục là các tác động của toàn cầu hóa đến hệ thống giáo dục ở Việt Nam. Ngoài ra, Pham (2013) cũng đã phân tích những ảnh hưởng của toàn cầu hóa và sự cần thiết quản lý giáo dục Việt Nam trong quá trình hội nhập.

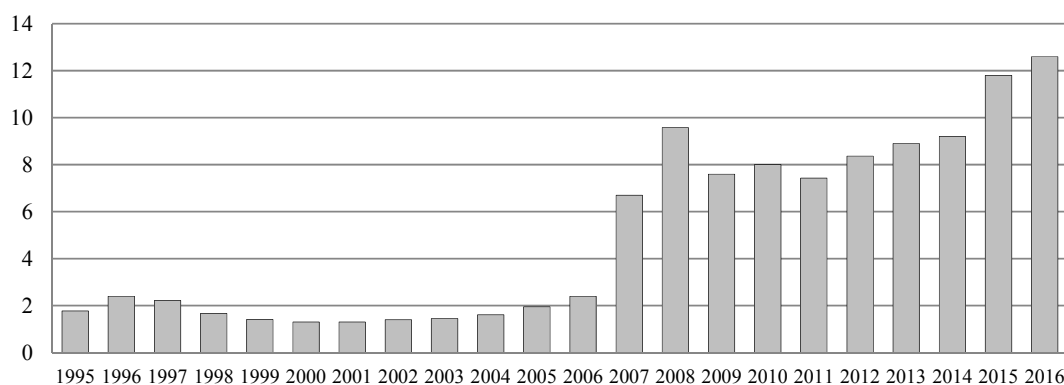
Tóm lại, hệ thống các nghiên cứu đã có về tác động của toàn cầu hóa đến khu vực dịch vụ là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng có thể vận dụng để phân tích cho Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường đánh giá tác động của toàn cầu hóa thông qua các chỉ số khác nhau, mỗi chỉ số chỉ phản ánh được một khía cạnh của toàn cầu hóa. Hơn nữa, số lượng các nghiên cứu định lượng về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam còn khá khiêm tốn. Do đó, nghiên cứu này hy vọng có thể bổ sung cho các nghiên cứu trước bằng cách phân tích tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ dựa trên các mô hình định lượng. Khác với các nghiên cứu trước, nghiên cứu này sử dụng một chỉ số toàn diện về toàn cầu hóa (KOF) được Dreher (2006) xây dựng và tính toán hàng năm cho các quốc gia trên thế giới. Chỉ số này bao quát các khía cạnh khác nhau của toàn cầu hóa như: kinh tế, chính trị, và xã hội. Phương pháp đánh giá tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển

Hình 1. Sự phát triển của toàn cầu hóa ở Việt Nam, 1995 – 2015



Nguồn: Số liệu tổng hợp từ www.kof.ethz.ch (cập nhật đến năm 2018).

Hình 2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, 1995 - 2016



Đơn vị: tỷ USD

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ theglobaleconomy.com.

của khu vực dịch vụ ở Việt Nam sẽ được trình bày trong phần tiếp theo của bài viết.

3. Mô hình nghiên cứu và dữ liệu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Từ những nghiên cứu của các tác giả trước đây, chúng tôi lựa chọn các biến số sau để nghiên cứu tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam:

Biến phụ thuộc: $\log(\text{SERV})$ là logarit của GDP ngành dịch vụ (đơn vị: tỷ USD).

Các biến giải thích:

KOF là chỉ số toàn cầu hóa tổng hợp. Chỉ số này phản ánh mức độ toàn cầu hóa của quốc gia trong hội nhập toàn cầu, và được tính toán thường niên cho các quốc gia trên thế giới dựa trên 23 tiêu chí xếp hạng trong ba lĩnh vực: kinh tế, chính trị và xã hội. Các tiêu chí này phản ánh các mặt liên kết quốc tế của quốc gia trong hội nhập toàn cầu.

FDI là đầu tư trực tiếp nước ngoài được đo bằng phần trăm của FDI trong GDP. Biến FDI được đưa vào trong hầu hết các nghiên cứu về toàn cầu hóa bởi nó không chỉ thể hiện một cách trực tiếp khối lượng và giá trị của các liên kết của nền kinh tế trong nước với nền kinh tế toàn cầu mà còn phản ánh quy mô và trình độ của các liên kết đó.

Trong nghiên cứu này, mối quan hệ trong dài hạn mô tả tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của ngành dịch vụ ở Việt Nam được ước lượng bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường với mô hình tuyến tính như sau:

$$\log(\text{SERV})_t = \beta_0 + \beta_1 \text{KOF}_t + \beta_2 \text{FDI}_t + u_t \quad (1)$$

Trong đó, $\beta_0, \beta_1, \beta_2$ là các tham số ước lượng;

u_t là sai số của mô hình (1).

Sau đó, mối quan hệ trong ngắn hạn giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của ngành dịch vụ tiếp tục được xác định dựa trên mô hình hiệu chỉnh sai số ECM (error corection model) với phương trình:

$$\Delta \log(\text{SERV})_t = \alpha_0 + \alpha_1 \Delta \text{KOF}_t + \alpha_2 \Delta (\text{FDI})_t + \alpha_3 u_{t-1} + \varepsilon_t \quad (2)$$

Trong đó, Δ là ký hiệu sai phân bậc nhất;

$\alpha_0, \alpha_1, \alpha_2$ là các tham số ước lượng; α_3 là tốc độ hiệu chỉnh sai số.

u_{t-1} là trễ của sai số được tính toán từ mô hình (1);

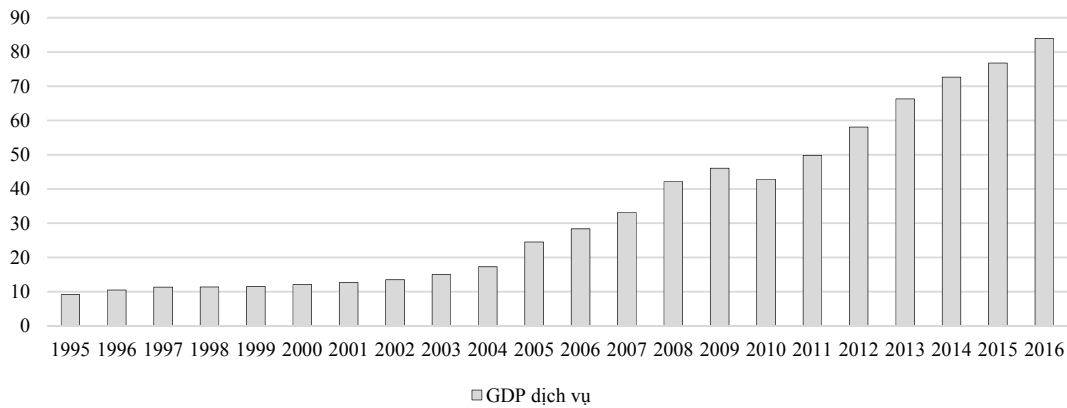
ε_t là sai số của mô hình (2).

Các bước tiến hành nghiên cứu được thực hiện như sau: đầu tiên, các chuỗi số liệu được sử dụng trong nghiên cứu sẽ được kiểm định tính dừng, tiếp theo kiểm định Johansen sẽ được thực hiện để kết luận về quan hệ đồng tích hợp giữa các chuỗi, sau đó thực hiện kiểm định Granger để kết luận về mối quan hệ nhân quả giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam. Cuối cùng là phương pháp hồi quy tuyến tính và mô hình hiệu chỉnh sai số để làm rõ tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của ngành dịch vụ ở Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu.

3.2. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu dùng để ước lượng các mô hình thực nghiệm trong nghiên cứu được lấy từ các trang web: theglobaleconomy.com và kof.ethz.ch (cập nhật năm 2018) trong giai đoạn 1995 - 2015. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng nguồn số liệu về GDP (giá so sánh 2010) và lao động do Tổng cục Thống kê công bố trong giai đoạn 1995 - 2017 để phân tích.

Hình 3. Sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam, 1995-2016



Đơn vị: tỷ USD

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ *theglobaleconomy.com*.

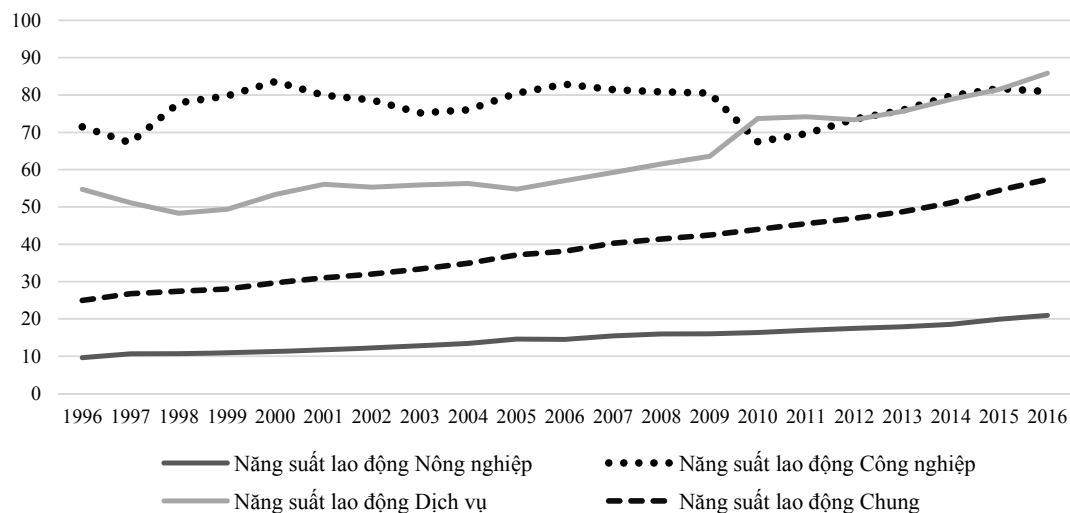
4. Tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam

4.1. Toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam

Theo xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam đã đạt được những bước tiến tích cực trong quá trình hội nhập toàn cầu. Chỉ số toàn cầu hóa tổng hợp KOF của Việt Nam đã tăng từ 37,15 năm 1995 lên 61,59 năm 2015 (hình 1). Năm 2015, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 95/209 trong bảng xếp hạng về mức độ toàn cầu hóa. Trong ba thành phần của toàn cầu hóa, Việt Nam xếp thứ 123/209 về toàn cầu hóa kinh tế, xếp thứ 73/209 về toàn cầu hóa chính trị, và xếp thứ 127/209 về toàn cầu hóa xã hội.

Kể từ khi tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam có nhiều biến động nhưng tổng vốn FDI có xu hướng tăng theo thời gian (từ 1,78 tỷ USD năm 1995 lên 12,6 tỷ USD năm 2016 - hình 2), đặc biệt kể từ khi gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO vào năm 2007. Năm 2016, tổng luồng vốn FDI vào Việt Nam chiếm 36% tổng lượng vốn FDI mà các con hổ châu Á tiếp nhận, 12,5% vốn đầu tư vào ASEAN, 0,7% lưu lượng vốn FDI toàn cầu. Hiện nay, vốn FDI chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Năm 2016, vốn FDI vào các ngành dịch vụ chiếm khoảng 31% tổng vốn FDI đăng ký, chủ yếu tập trung vào hai ngành: bất động sản; bán buôn, bán lẻ. Nguồn vốn FDI vào nhóm ngành dịch vụ đã có

Hình 4. Năng suất lao động (giá so sánh 2010) của các ngành và nền kinh tế Việt Nam, 1996-2016



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Tổng cục Thống kê.

Bảng 1. Kiểm định ADF về tính dừng của các chuỗi

Các chuỗi	Chuỗi ban đầu		Chuỗi sai phân bậc 1		Kết quả
	Thống kê t	Giá trị p	Thống kê t	Giá trị p	
log(SERV)	0,3298	0,9738	□2,9917	0,0538	I(1)
KOF	0,7987	0,9911	□7,2834	0,0000	I(1)
FDI	□1,9304	0,3127	□3,3188	0,0284	I(1)

Nguồn: Tính toán của tác giả.

đóng góp ngày càng lớn vào giá trị sản lượng dịch vụ, góp phần tạo nên bộ mặt mới trong lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao như khách sạn, văn phòng, ngân hàng, bảo hiểm... Các dịch vụ này đã và đang góp phần tạo ra phương thức mới trong tiêu dùng, phân phối hàng hóa, kích thích thương mại nội địa và góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

Trong thời gian qua, sự phát triển của ngành dịch vụ đã đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận. Quy mô của ngành dịch vụ đã tăng từ 9,14 tỷ USD năm 1995 lên 84,01 tỷ USD năm 2016. Trong giai đoạn 1995 – 2015, ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá nhanh, bình quân đạt xấp xỉ 6,1 %/năm.

Hiện nay, dịch vụ là ngành có tỷ trọng đóng góp cho GDP cao nhất, chiếm trên 40% và đóng góp ngày càng lớn cho tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, dịch vụ cũng là ngành kinh tế chủ yếu hấp thụ lao động từ khu vực nông nghiệp dịch chuyển sang. Trong cơ cấu lao động của nền kinh tế, lao động hoạt động trong khu vực dịch vụ đã tăng từ 17,4 % năm 1995 lên 34% năm 2017, và chủ yếu tập trung trong các ngành dịch vụ tiêu dùng như: Bán buôn, bán lẻ; Dịch vụ lưu trú, ăn uống; và ngành dịch vụ công (giáo dục đào tạo). Hơn nữa, năng suất lao động của

khu vực dịch vụ luôn cao hơn năng suất lao động chung của nền kinh tế (hình 4). Thêm vào đó, giai đoạn vừa qua đã chứng kiến sự phát triển ấn tượng về số lượng doanh nghiệp dịch vụ. Tính đến năm 2016, số doanh nghiệp hoạt động trong nhóm ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số doanh nghiệp của cả nước (76,8%), chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (VCCI, 2018). Như vậy, sự phát triển của ngành dịch vụ đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế.

Tuy nhiên, trong cơ cấu GDP, một số ngành dịch vụ động lực còn chiếm tỷ trọng thấp như: thông tin và truyền thông (chỉ đạt 1,08%), hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ (1,37%), dịch vụ lưu trú, ăn uống (3,69%) năm 2016 (phụ lục). Bên cạnh đó, xuất khẩu của khu vực dịch vụ cũng chiếm tỷ trọng thấp trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, chủ yếu là xuất khẩu dịch vụ du lịch. Nhập siêu ngành dịch vụ lớn và gần như liên tục tăng lên (từ 215 triệu USD năm 2005 lên 3,9 tỷ USD năm 2017 (Tổng cục Thống kê, 2018). Trong đó, nhập siêu lớn nhất là của ngành dịch vụ vận tải. Các ngành dịch vụ tài chính, bảo hiểm và các dịch vụ khác còn lại cũng ở vị thế nhập siêu.

Bảng 2. Kết quả kiểm định đồng tích hợp Johansen

Các chuỗi: log(SERV), KOF, FDI							
Giả thuyết về số phương trình đồng tích hợp	Giá trị riêng	Kiểm định Trace			Kiểm định Maximum-Eigenvalue		
		Thống kê Trace	Giá trị tới hạn (5%)	Xác suất	Thống kê Max-Eigen	Giá trị tới hạn (5%)	Xác suất
Không có*	0,71534	31,90085	29,79707	0,0282	23,87273	21,13162	0,0200
Nhiều nhất 1	0,344502	8,028125	15,49471	0,4624	8,024837	14,2646	0,3762
Nhiều nhất 2	0,000173	0,003288	3,841466	0,9525	0,003288	3,841466	0,9525

* biểu thị bác bỏ giả thuyết ở mức ý nghĩa 5%.

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Bảng 3. Kết quả kiểm định nhân quả Granger (Lags = 2)

Giả thuyết H_0	Số quan sát	Thống kê F	Giá trị p
KOF không gây ra nhân quả Granger đối với log(SERV)	19	2,93793	0,0860
log (SERV) không gây ra nhân quả Granger đối với KOF		1,02171	0,3853
FDI không gây ra nhân quả Granger đối với log(SERV)		6,09869	0,0124
log(SERV) không gây ra nhân quả Granger đối với FDI		8,97584	0,0031

Nguồn: Tính toán của tác giả.

4.2. Kết quả ước lượng tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam

Để đánh giá tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của ngành dịch vụ, trước tiên, các chuỗi số liệu được sử dụng trong nghiên cứu sẽ được kiểm định tính dừng. Kiểm định thông dụng để xem xét tính dừng của chuỗi thời gian là kiểm định nghiệm đơn vị được Augmented Dickey-Fuller (ADF) giới thiệu năm 1979. Kết quả ở Bảng 1 cho thấy các chuỗi log(SERV), KOF và FDI không dừng ở chuỗi gốc, nhưng đều dừng sau khi lấy sai phân bậc 1, nghĩa là đều tích hợp bậc 1 (I(1)).

Tiếp theo, để khẳng định sự tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa các biến trong mô hình, kiểm định Johansen về tính đồng tích hợp giữa các biến được thực hiện. Kết quả cho thấy giả thuyết không tồn tại vectơ đồng tích hợp bị bác bỏ với mức ý nghĩa 5% (Bảng 2). Kiểm định vết (Trace) và kiểm định giá trị riêng cực đại (Maximum-Eigenvalue) đều khẳng định tồn tại một phương trình đồng tích hợp giữa các biến với mức ý nghĩa 5%, nghĩa là tồn tại một mối quan hệ cân bằng dài hạn giữa các biến log(SERV),

KOF và FDI. Kết quả này chứng tỏ mối quan hệ giữa các biến có thể biểu diễn được theo cơ chế hiệu chỉnh sai số.

Tiếp theo, kiểm định nhân quả Granger được thực hiện để xác định mối quan hệ nhân quả giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam. Theo kết quả ở Bảng 3, giả thuyết sự phát triển của ngành dịch vụ ở Việt Nam không bị tác động bởi toàn cầu hóa bị bác bỏ ở mức ý nghĩa 10% ($p_value = 0,0860$), nghĩa là có tồn tại mối quan hệ nhân quả một chiều giữa toàn cầu hóa và sự phát triển ngành dịch vụ ở Việt Nam, trong đó biến KOF là biến nguyên nhân còn log(SERV) là biến kết quả. Bảng 3 cũng cho thấy mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa FDI và log(SERV) ở mức ý nghĩa 5%. Điều này hàm ý rằng tăng trưởng của ngành dịch vụ có tác động tích cực thu hút dòng vốn FDI, và ngược lại FDI có tác động thúc đẩy tăng trưởng của ngành dịch vụ ở Việt Nam.

Mối quan hệ trong dài hạn giữa các biến log(SERV), KOF và FDI được xác định bằng cách ước lượng mô hình (1). Các kết quả kiểm định chất lượng của mô hình (1) như: kiểm định dạng hàm

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình (1)

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc log(SERV)			
	Hệ số	Sai số chuẩn	Thống kê t	Giá trị p
C	□1,42561	0,149915	-9,50942	0,0000
KOF	0,091607	0,002729	33,56497	0,0000
FDI	2,846899	1,013674	2,808495	0,0116
R-squared	0,984285	Ramsey test (Prob.)		0,6507
Adjusted R-squared	0,982539	Breusch-Pagan-Godfrey test (Prob.)		0,1595
F-Statistic	563,7136	Breusch-Godfrey Serial correlation		0,6874
Prob (F-statistic)	0,000000	LM test (Prob.)		
Durbin-Watson stat	2,110479	Jarque-Bera probability		0,6480

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình (2)

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc D(log(SERV))			
	Hệ số	Sai số chuẩn	Thống kê t	Giá trị p
C	0,060621	0,03026	2,003352	0,0624
D(KOF)	0,03995	0,02000	1,997566	0,0631
D(FDI)	1,255435	1,209302	1,038148	0,3146
ECM(-1)	□0,59417	0,266343	-2,23083	0,0404
R-squared	0,332014	Ramsey test (Prob.)		0,3313
Adjusted R-squared	0,206767	Breusch-Pagan-Godfrey test (Prob.)		0,9811
F-Statistic	2,650872	Breusch-Godfrey Serial correlation		0,2230
Prob (F-statistic)	0,084090	LM test (Prob.)		
Durbin-Watson stat	1,484212	Jarque-Bera probability		0,5352

Nguồn: Tính toán của tác giả.

đúng, phù hợp (Ramsey test) với $p_value = 0,6507$; kiểm định hiện tượng tự tương quan (Lagrange Multiplier_ LM test) ($p_value = 0,6874$); kiểm định hiện tượng phương sai sai số thay đổi (Breusch-Pagan-Godfrey test) ($p_value = 0,1595$); kiểm định phần dư có phân phối chuẩn (normality test) với p_value của thống kê Jarque-Bera nhận giá trị 0,6480 (Bảng 4) đều chứng tỏ mô hình (1) thỏa mãn các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất, và do đó, các kết quả ước lượng đảm bảo tính tin cậy và thích hợp cho phân tích thực nghiệm. Hệ số xác định $R^2 = 0,984285$ cho thấy mô hình (1) đã giải thích được 98,4% sự biến động trong dài hạn của biến log(SERV).

Kết quả ước lượng mô hình (1) cho thấy trong dài hạn, toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ ở Việt Nam. Hệ số ước lượng của biến KOF bằng 0,091607 với mức ý nghĩa 1% hàm ý rằng nếu mức độ toàn cầu hóa của Việt Nam tăng 1 đơn vị thì giá trị gia tăng của ngành dịch vụ sẽ tăng 9,1607% khi giả định các yếu tố khác không thay đổi. Kết quả ước lượng cũng cho thấy FDI có tác động tích cực và mạnh mẽ đến sự phát triển dịch vụ. Theo đó, với mức ý nghĩa thống kê 5%, nếu tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài trong GDP tăng 1% thì giá trị gia tăng ngành dịch vụ sẽ tăng 284,6899% trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.

Bảng 5 trình bày kết quả ước lượng mối quan hệ giữa các biến trong ngắn hạn theo mô hình hiệu chỉnh sai số (2). Phần sai số hiệu chỉnh ECM được tính toán từ kết quả hồi quy mô hình (1). Kết quả các kiểm định chẩn đoán về chất lượng của mô hình (2) trong Bảng 5 cũng cho thấy mô hình đáp ứng các yêu cầu cơ bản, đảm bảo sự tin cậy của kết quả ước

lượng.

Hệ số của biến D(KOF) bằng 0,03995 và có ý nghĩa thống kê chứng tỏ trong ngắn hạn, toàn cầu hóa có tác động dương tới sự phát triển của ngành dịch vụ. Bên cạnh đó, hệ số ước lượng của biến D(FDI) dương (1,255435) nhưng lại không có ý nghĩa thống kê ($p_value = 0,3146$). Kết quả này hàm ý rằng tại độ trễ 1 kỳ (1 năm sau), FDI chưa có tác động đến sản lượng của ngành dịch vụ, nghĩa là, phải sau hơn 1 năm FDI mới có tác động đến tăng trưởng của ngành dịch vụ.

Hệ số ECM(-1) là tốc độ hiệu chỉnh sai số trong mô hình (2). Hệ số của số hạng hiệu chỉnh sai số bằng -0,59417 cho biết khoảng 59,417% sự chênh lệch giữa log(SERV) dài hạn và ngắn hạn được điều chỉnh trong một năm.

5. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kiểm định đồng tích hợp Johansen, kiểm định nhân quả Granger, mô hình hồi quy tuyến tính và cơ chế hiệu chỉnh sai số để phân tích tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam giai đoạn 1995-2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số phát hiện đáng lưu ý về mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam như sau:

i) Thứ nhất, tồn tại mối quan hệ cân bằng trong dài hạn giữa toàn cầu hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu;

ii) Thứ hai, toàn cầu hóa và sự phát triển của ngành dịch vụ ở Việt Nam có mối quan hệ nhân quả Granger một chiều;

iii) Thứ ba, toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ ở Việt Nam trong cả ngắn hạn và dài hạn. Bên cạnh đó, sự phát triển của ngành dịch vụ còn chịu tác động dương và mạnh mẽ của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong dài hạn. Tuy nhiên, ảnh hưởng này không có ý nghĩa trong ngắn hạn.

Như vậy, kết quả phân tích cho thấy những tín hiệu tích cực về sự phát triển của ngành dịch vụ dưới tác động của toàn cầu hóa đã giúp cho chúng ta có cái nhìn lạc quan về xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong bối cảnh hiện nay. Để ngành dịch vụ của Việt Nam tiếp tục phát triển, khai thác được những lợi ích do toàn cầu hóa mang lại, một số khuyến nghị dựa trên các kết quả nghiên cứu được đề xuất như sau:

Thứ nhất, trong thời gian tới, chính phủ cần tiếp

tục ủng hộ sự phát triển của mức độ toàn cầu hóa của Việt Nam để thúc đẩy sự phát triển của khu vực dịch vụ, từ đó thúc đẩy tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Thứ hai, tiến trình toàn cầu hóa có tác động rõ rệt tới dòng vốn FDI vào Việt Nam. Một mặt, toàn cầu hóa mang lại cơ hội để nền kinh tế có thể tiếp cận với thị trường vốn rộng lớn. Mặt khác, tiến trình toàn cầu hóa cũng tạo ra sức ép cạnh tranh khốc liệt hơn trong việc thu hút FDI. Do đó, chính phủ cần có chiến lược, chính sách khuyến khích, xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài để thu hút luồng vốn FDI có chất lượng và giá trị gia tăng cao, bền vững, có hiệu ứng lan tỏa tích cực mạnh mẽ hơn đặc biệt trong một số lĩnh vực dịch vụ như giáo dục, y tế, logistics, ngân hàng tài chính, khoa học và công nghệ, giao thông vận tải, thông tin và truyền thông.

PHỤ LỤC:

Tỷ trọng đóng góp của các ngành dịch vụ trong GDP

Các ngành dịch vụ	1995	2000	2005	2010	2015	2016
Bán buôn và bán lẻ	12,57	11,86	12,18	8,00	9,25	9,43
Vận tải, kho bãi	2,56	2,48	2,54	2,88	2,88	2,88
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3,26	3,05	3,32	3,61	3,68	3,69
Thông tin và truyền thông	0,67	0,74	0,92	0,92	1,06	1,08
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	4,62	4,71	4,89	5,40	5,58	5,66
Hoạt động kinh doanh bất động sản	8,23	7,34	6,63	6,10	5,21	5,10
Khoa học, công nghệ	1,40	1,31	1,42	1,30	1,36	1,37
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	0,40	0,42	0,41	0,37	0,38	0,39
Hoạt động của Đảng, đoàn thể	3,22	2,60	2,43	2,56	2,72	2,75
Giáo dục và đào tạo	2,29	2,13	2,19	2,33	2,50	2,52
Y tế	1,08	1,01	1,03	1,08	1,16	1,17
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	0,64	0,66	0,64	0,68	0,72	0,73
Hoạt động dịch vụ khác	1,56	1,63	1,55	1,59	1,64	1,64
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	0,19	0,18	0,15	0,14	0,14	0,14

Đơn vị: %.

Ghi chú: Tỷ trọng đóng góp vào GDP của các ngành dịch vụ được tính theo giá so sánh 2010.

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Thống kê.

Tài liệu tham khảo:

- Ashok, B. & Cynthia, A.K. (2007), 'Globalization and the Real Estate Industry: Issues, Implications and Opportunities', Paper prepared for *The sloan industry studies annual conference*, Cambridge, April 2007.
- Benamraoui, A. (2003), 'The Effects of Globalisation of Financial Services on Banking Industry and Stock Market: an Algerian Case Study', Doctoral dissertation, University of Greenwich, UK.
- Dreher, A. (2006), 'Does Globalization Affect Growth? Evidence from a new Index Globalization', *Applied Economics*,

38(10), 1091-1110.

- Goldar, B.N. (2014), 'Globalisation, Growth and Employment in the Organised Sector of the Indian Economy', Working paper NO. WP 06/2014, Institute for Human Development, New Delhi.
- Jennings, L. (2006), 'The Effects of Globalization on Freight Transportation', *Conference Proceedings, IIE Annual Conference & Exposition*, retrieved on September 14th 2018, from <<https://uahcmr.com/wp-content/uploads/2006/05/The-effects-of-globalization-on-freight-transportation.pdf>>.
- Mustafa, M.H. (2010), 'Tourism and Globalization in the Arab World', *International Journal of Business and Social Science*, 1(1), 37-48.
- Nguyen, T.H. & Fraser, S. (2007), 'The Impact of Globalisation on Higher Education in China and Vietnam. Policies and practices', Paper presented at the University of Salford Conference on *Education in a Changing Environment*, Manchester, UK, September 12-14, 2009, 68-77.
- Nguyen, T.H.T., Nguyen, T.L.H. & Nguyen, B.D. (2004), 'Globalization and its Effects on Health Care and Occupational in Vietnam', Draft paper prepared for the RUIG/UNRISD project on Globalization, Inequality and Health, a collaborative international project forming part of RUIG research programme on the Social challenge of development, United Nations Research Institute for Social Development, Switzerland.
- Njanike, K. (2010), 'The Impact Of Globalisation On Banking Service Quality In Zimbabwe (2003-2008)', *Annals of the University of Petrosani, Economics*, 10(1), 205-216.
- Nyamekye, G.E. (2016), 'What is the Effect of Globalisation on the Performance of the Service Sector of Ghana?', *Munich Personal RePEc Archive, Paper No. 71841*, retrieved on September 14th 2018, from <https://mpra.ub.uni-muenchen.de/71841/1/MPRA_paper_71841.pdf>.
- Pang, T. & Guindon, G.E. (2004), 'Globalization and Risks to Health', *EMBO Reports*, 5(1), S11-S16, DOI: <http://doi.org/10.1038/sj.embor.7400226>.
- Pham, L.H. (2013), *Effects of Globalization and Necessity of Vietnamese Educational Management for Integration into the World: Innovative Management in Information and Production*, Springer, New York.
- Razak, M. (2011), 'Globalization and its Impact on Education and Culture', *World Journal of Islamic History and Civilization*, 1(1), 59-69.
- Sekar, H. (2006), 'Globalisation of Service Activities: Opportunities and Challenges for India', *India Quarterly*, 62(3), 1-22, DOI: <https://doi.org/10.1177/097492840606200301>.
- Tổng cục Thống kê (2018), *Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2017*, Hà Nội.
- VCCI (2018), *Vietnam Economy 2018: Digital Economy and Start-up Nation*, Hanoi.